TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2024/QĐST-HNGĐ	*Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Bùi Minh L – sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ dân phố 29, thôn H, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Minh L và bà Nguyễn Thị Kim T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm vào ngày 10/4/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã không sống cùng nhau từ cuối năm 2023 đến nay và đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể sống chung được nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông L và bà T đều xác định tình cảm không còn, nên ông L và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông L và bà T xác nhận có 02 con chung tên Bùi Ngọc Thu T – sinh ngày 22/5/2017 và Bùi Minh Phú Q – sinh ngày 10/01/2016. Hai bên thỏa thuận, ông L đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông L và bà T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh L và bà Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Ngọc Thu T – sinh ngày 22/5/2017 và Bùi Minh Phú Q – sinh ngày 10/01/2016. Ông Bùi Minh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Minh L và bà Nguyễn Thị Kim T, mỗi người phải chịu 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông L và bà T đã nộp là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002598 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông L và bà T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Đ
(*Giấy CNKH số 43, ngày 10/4/2018);*
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Phát